



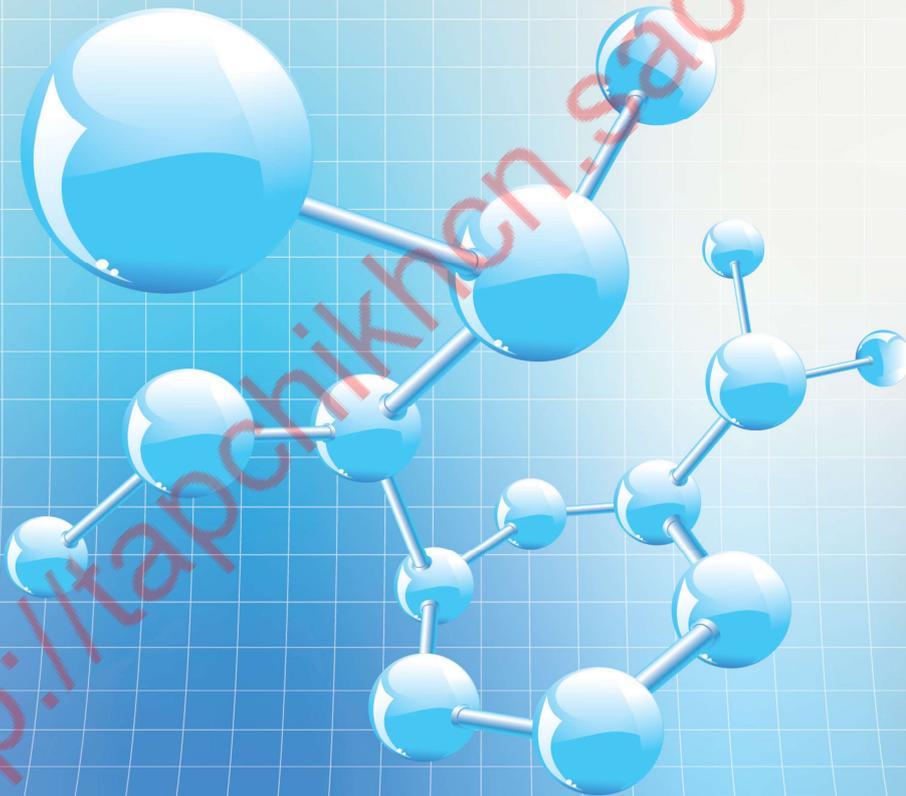
Tap chí

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Đ A I H O C S A O Đ O

SCIENTIFIC JOURNAL - SAO DO UNIVERSITY

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X



Số 1 (80)

2023

P. ISSN 1859-4190

E. ISSN 2815-553X

■ **Tổng Biên tập**

TS. Đỗ Văn Đĩnh

■ **Phó Tổng biên tập**

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

■ **Thư ký Tòa soạn**

TS. Ngô Hữu Mạnh

■ **Hội đồng Biên tập**

NGND.TS. Đinh Văn Nhung - Chủ tịch Hội đồng

GS.TS. Phạm Thị Ngọc Yến

PGS.TSKH. Trần Hoài Linh

PGS.TS. Nguyễn Quốc Cường

PGS.TS. Nguyễn Văn Liễu

GS.TSKH. Thân Ngọc Hoàn

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Phạm Minh Tuấn

PGS.TS. Lê Văn Học

PGS.TS. Nguyễn Doãn Ý

GS.TS. Đinh Văn Sơn

PGS.TS. Trần Thị Hà

PGS.TS. Trương Thị Thủy

TS. Vũ Quang Thập

PGS.TS. Nguyễn Thị Bất

GS.TS. Đỗ Quang Khang

TS. Bùi Văn Ngọc

PGS.TS. Ngô Sỹ Lương

PGS.TS. Khuất Văn Ninh

GS.TSKH. Phạm Hoàng Hải

PGS.TS. Nguyễn Văn Độ

PGS.TS. Đoàn Ngọc Hải

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà

■ **Ban Biên tập**

ThS. Đoàn Thị Thu Hằng - Trưởng ban

ThS. Đào Thị Vân

■ **Editor-in-Chief**

Dr. Do Van Dinh

■ **Vice Editor-in-Chief**

Dr. Nguyen Thi Kim Nguyen

■ **Office Secretary**

Dr. Ngo Huu Manh

■ **Editorial Board**

Poeple's Teacher, Dr. Dinh Van Nhung - Chairman

Prof.Dr. Pham Thi Ngoc Yen

Assoc.Prof.Dr.Sc. Tran Hoai Linh

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Quoc Cuong

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Lien

Prof.Dr.Sc. Than Ngoc Hoan

Prof.Dr.Sc. Banh Tien Long

Prof.Dr. Tran Van Dich

Prof.Dr. Pham Minh Tuan

Assoc.Prof.Dr. Le Van Hoc

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Doan Y

Prof.Dr. Dinh Van Son

Assoc.Prof.Dr. Tran Thi Ha

Assoc.Prof.Dr. Truong Thi Thuy

Dr. Vu Quang Thap

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Thi Bat

Prof.Dr. Do Quang Khang

Dr. Bui Van Ngoc

Assoc.Prof.Dr. Ngo Sy Luong

Assoc.Prof.Dr. Khuat Van Ninh

Prof.Dr.Sc. Pham Hoang Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Do

Assoc.Prof.Dr. Doan Ngoc Hai

Assoc.Prof.Dr. Nguyen Ngoc Ha

■ **Editorial**

MSc. Doan Thi Thu Hang - Head

MSc. Dao Thi Van

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/>Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.

TẠP CHÍ

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TRONG S NÀY

SỐ 1(80) 2023

LIÊN NGÀNH ĐIỆN - ĐIỆN TỬ - TỰ ĐỘNG HÓA

- Cảnh báo cháy sớm trong các tòa nhà sử dụng mạng CNN 5 Nguyễn Tiến Dũng
Đặng Khánh Hòa
Nguyễn Việt Hưng
Nguyễn Trọng Các
- Nghiên cứu, ứng dụng Plasma lạnh trong xử lý và bảo quản lạnh quả ổi tươi xuất khẩu 12 Phạm Công Tảo
Đỗ Văn Đĩnh
Lobov Boris Nikolaevich
Vũ Hồng Phong
Lê Ngọc Hòa
Tăng Thị Phụng
- Nghiên cứu thiết kế hệ thống giám sát tự động chăm sóc cây Lan hồ điệp 18 Bùi Đăng Thành
Nguyễn Đăng Khải
Đỗ Văn Đĩnh

NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- Sử dụng phương pháp toán thống kê đánh giá và dự đoán chất lượng để nâng cao hiệu quả quản lý các chương trình giáo dục chuyên nghiệp 23 Nguyễn Phúc Hậu
Nguyễn Thị Thu

LIÊN NGÀNH CƠ KHÍ - ĐỘNG LỰC

- Nghiên cứu sự mất ổn định động lực học của xe du lịch trong điều kiện có gió ngang 31 Đỗ Tiến Quyết
- Thiết kế và chế tạo thiết bị cắt kim loại tấm mỏng ứng dụng trong các ngành công nghiệp 36 Ngô Hữu Mạnh
Mạc Thị Nguyên
Lê Hoàng Anh
Trịnh Văn Cường
Nguyễn Hoàng Minh Trí
- Nghiên cứu sự ảnh hưởng các tham số của phương pháp Polynomial Chaos đến sai số Leave-One-Out 43 Cao Huy Giáp
- Nâng cao chất lượng bề mặt bằng phương pháp miết ép dao động 47 Nguyễn Văn Hình
Zaides Siemens Azikovich
Mạc Văn Giang
Nguyễn Thị Hồng Nhung
Cao Văn Biên

NGÀNH TOÁN HỌC

Luật mạnh số lớn cho dãy các vectơ ngẫu nhiên phụ thuộc đôi một theo khối và phụ thuộc âm theo tọa độ trong không gian Hilbert 52 Nguyễn Thị Hồng
Nguyễn Thị Diệp Huyền

NGÀNH KINH TẾ

Nghiên cứu tác động của Fintech đến thị trường các dịch vụ tài chính Việt Nam 56 Vũ Thị Thanh Thủy

Hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp 63 Vũ Thị Lý
Đinh Thị Kim Thiết
Nguyễn Thị Quỳnh
Đoàn Thị Thu Hằng

Các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ đáp ứng của đội ngũ cán bộ, công chức tại các phường, xã trên địa bàn thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương 71 Nguyễn Minh Tuấn
Nguyễn Thị Hiền

Nâng cao thu nhập cho người lao động Việt Nam sau đại dịch Covid-19 80 Nguyễn Thị Thủy

LIÊN NGÀNH HÓA HỌC - CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

Sử dụng *saccharomyces cerevisiae* RV002 để lên men rượu vang từ quả Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*) 88 Bùi Văn Tú

LIÊN NGÀNH KHOA HỌC MỎ - TRÁI ĐẤT

Đánh giá tài nguyên du lịch và điều kiện sinh khí hậu cho phát triển loại hình du lịch tham quan tự nhiên khu vực Quảng Ninh - Hải Phòng 95 Nguyễn Đăng Tiến

NGÀNH GIÁO DỤC

Sử dụng trò chơi ngôn ngữ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo tiếng Anh tại Trường Đại học Sao Đỏ 103 Vũ Thị Lương
Trịnh Thị Chuyên

LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC - XÃ HỘI HỌC - CHÍNH TRỊ HỌC

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và giải quyết vấn đề xã hội ở Hải Dương hiện nay 110 Vũ Văn Đông
Phạm Anh Dũng

Tư tưởng của Lênin về nhà nước kiểu mới trong tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”, sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay 117 Nguyễn Thị Kim Nguyên
Phạm Văn Dự

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam trong văn kiện Đại hội XIII về phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam và sự vận dụng quan điểm đó ở tỉnh Hải Dương 121 Phạm Xuân Đức

TITLE FOR ELECTRICITY - ELECTRONICS - AUTOMATION

- Early fire alarm and detection in buildings using CNN 5 Tien Dzung Nguyen
Dang Khanh Hoa
Nguyen Viet Hung
Nguyen Trong Cac
- Research and application of cold plasma in processing and cold preservation of fresh export guava 12 Pham Cong Tao
Do Van Dinh
Lobov Boris Nikolaevich
Vu Hong Phong
Le Ngoc Hoa
Tang Thi Phung
- Research and design an automatic monitoring care system for Phalaenopsis Orchid 18 Bui Dang Thanh
Nguyen Dang Khai
Do Van Dinh

TITLE FOR INFORMATION TECHNOLOGY

- Using statistical methods to evaluate and predict quality to improve the management efficiency of professional education programs 23 Nguyen Phuc Hau
Nguyen Thi Thu

TITLE FOR MECHANICAL AND DRIVING POWER ENGINEERING

- Study on dynamic instability of sedan in crosswind conditions 31 Do Tien Quyet
- Design and manufacturing of a thin sheet metal cutting equipment for applications industrials 36 Ngo Huu Manh
Mac Thi Nguyen
Le Hoang Anh
Trinh Van Cuong
Nguyen Hoang Minh Tri
- Study on the effects of the parameters of the Polynomial Chaos method on the error of Leave-One-Out 43 Cao Huy Giap
- Improve surface quality by oscillating smoothing method 47 Nguyen Van Hinh
Zaides Siemens Azikovich
Mac Van Giang
Nguyen Thi Hong Nhung
Cao Van Bien

TITLE FOR MATHEMATICS

- Strong law of large numbers for sequences of random vectors that are double-dependent in blocks and negatively dependent on coordinates in Hilbert space 52 Nguyen Thi Hong
Nguyen Thi Diep Huyen

TITLE FOR ECONOMICS

- Studying the impact of Fintech on the Vietnamese financial services market 56 Vu Thi Thanh Thuy
- Accounting information system in small and medium enterprises in Hai Duong province: Current situation and solutions 63 Vu Thi Ly
Dinh Thi Kim Thiet
Nguyen Thi Quynh
Doan Thi Thu Hang
- Factors affecting the responsiveness of cadres and civil servants in wards and communes in Chi Linh city, Hai Duong province 71 Nguyen Minh Tuan
Nguyen Thi Hien
- Increase income for Vietnam workers after the Covid-19 pandemic 80 Nguyen Thi Thuy

TITLE FOR CHEMISTRY AND FOOD TECHNOLOGY

- Application of *saccharomyces cerevisiae* RV002 to ferment wine from Sim fruit (*Rhodomyrtus tomentosa*) 88 Bui Van Tu

TITLE FOR EARTH SCIENCE - MINING

- The assessment of tourism resources and bioclimatic conditions for the development of nature tourism in Quang Ninh - Hai Phong 95 Nguyen Dang Tien

TITLE FOR EDUCATION

- Using language games to improve the quality of training English at Sao Do University 103 Vu Thi Luong
Trinh Thi Chuyen

TITLE FOR PHILOSOPHY - SOCIOLOGY - POLITICAL SCIENCE

- The relationship between economic development and solving social problems in Hai Duong today 110 Vu Van Dong
Pham Anh Dung
- Lenin's thought on the new type of state in the work "State and revolution", the application of the Communist Party of Vietnam in building the socialist rule of law state in Vietnam today 117 Nguyen Thi Kim Nguyen
Pham Van Du
- The point of view of the Communist Party of Vietnam in the document of the 13th National Congress on promoting Vietnamese cultural values and human strength and the application of that view in Hai Duong province 121 Pham Xuan Duc

Hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương: Thực trạng và giải pháp

Accounting information system in small and medium enterprises in Hai Duong province: Current situation and solutions

Vũ Thị Lý*, Đinh Thị Kim Thiết, Nguyễn Thị Quỳnh, Đoàn Thị Thu Hằng

*Tác giả liên hệ: lyvu1985@gmail.com

Trường Đại học Sao Đỏ

Ngày nhận bài: 24/02/2023

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 31/3/2023

Ngày chấp nhận đăng: 31/3/2023

Tóm tắt

Cách mạng công nghiệp 4.0 với nền tảng công nghệ là dữ liệu lớn, điện toán đám mây và kết nối Internet toàn diện đang trở thành mối quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới. Việc triển khai hệ thống thông tin kế toán nhằm quản lý các hoạt động tài chính kế toán có hiệu quả là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bài viết tập trung phân tích thực trạng hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương, từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hệ thống này trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Hệ thống thông tin kế toán; doanh nghiệp vừa và nhỏ; kế toán tài chính.

Abstract

The industrial revolution 4.0 with technology foundation of big data, cloud computing and comprehensive Internet connection is becoming the concern of many countries around the world. The implementation of an accounting information system to effectively manage financial and accounting activities is a top priority task in the industrialization, modernization roadmap of small and medium enterprises. The article focuses on analyzing the current situation of accounting information systems in small and medium enterprises in Hai Duong province, thereby proposing solutions to improve this system in the new context.

Keywords: Accounting information system; small and medium enterprises; financial accounting.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam hiện nay ngày càng hội nhập sâu vào kinh tế thế giới, để có thông tin phục vụ cho công tác điều hành quản lý, mỗi doanh nghiệp (DN) đều phải thiết lập cho mình một hệ thống thông tin kế toán phù hợp, đặc biệt khi quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ. Cách thức tổ chức hệ thống thông tin kế toán của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc vào tầm quan trọng và vai trò của hệ thống thông tin kế toán trong việc quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp đó. Tuy nhiên, vấn đề tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Hải Dương vẫn còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng đầy đủ thông tin phục vụ cho lãnh đạo, quản lý trong việc điều hành quá trình sản xuất kinh doanh, đặc biệt là vấn đề tổ chức thu thập dữ liệu thông qua một số phương tiện thiết bị kỹ thuật cũng như vấn đề về xử lý dữ liệu thu thập được nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và

tin cậy cho công tác quản trị doanh nghiệp. Hơn nữa, trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng hiện nay, thông tin về tình hình kinh tế, tài chính của mọi doanh nghiệp đều cần được thu nhận, xử lý một cách toàn diện, đầy đủ và kịp thời. Chính vì vậy, nghiên cứu hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) trên địa bàn tỉnh Hải Dương có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn để phục vụ vấn đề quản trị doanh nghiệp trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt không những trên phạm vi cả nước, mà còn cả phạm vi toàn cầu.

2. TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN

Hệ thống thông tin kế toán (HTTTKT) được gọi tắt là hệ thống AIS (Accounting Information System). Đây chính là hệ thống thông tin đặc thù hoạt động trong lĩnh vực kế toán. Chúng thường xuyên được sử dụng bởi kế toán viên, kiểm toán viên để hỗ trợ việc lập kế hoạch và kiểm soát các hoạt động về nghiệp vụ tài chính - kế toán. Ngoài ra, AIS còn hỗ trợ việc ra quyết định cho cấp quản lý và nhà lãnh đạo doanh nghiệp [1-tr.37].

Người phản biện: 1. PGS. TS. Lê Xuân Đình
2. TS. Nguyễn Minh Tuấn

Để quá trình vận hành không bị gián đoạn, các thành phần trong hệ thống thông tin kế toán tài chính cần được phối hợp chặt chẽ. Một hệ thống AIS hoàn chỉnh gồm 4 thành tố sau:

- *Thủ tục và hướng dẫn trong hệ thống thông tin kế toán:* Hiểu một cách đơn giản, đây chính là cách thức mà AIS sử dụng nhằm thu thập và tổng hợp dữ liệu. Sau đó, tiến hành quản lý và truy xuất dữ liệu cho người dùng. Hiện nay, phần lớn các tiến trình này đều được mã hóa và tự động hóa hoàn toàn. Dữ liệu mà AIS tiếp nhận thường đến từ 2 nguồn chính: Nội bộ thông qua nhân viên của tổ chức; Nguồn bên ngoài thông qua khách hàng, đơn đặt hàng, phản hồi... Thủ tục và hướng dẫn được mã hóa trong hệ thống thông tin kế toán tài chính qua tài liệu và đào tạo. Chúng đảm bảo quy tắc nhất quán và minh bạch.

- *Con người:* Là thành phần không thể thiếu trong AIS. Trong hệ thống AIS, con người tiếp nhận vai trò sử dụng và tiếp nhận thông tin từ hệ thống. Đối tượng dùng thông tin kế toán rất đa dạng như kế toán viên; nhân viên tư vấn; kế toán trưởng; quản lý; giám đốc tài chính... Mỗi một tổ chức có thể thay đổi một số tính năng trong hệ thống nhằm phù hợp với điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp. Ngoài ra, AIS còn đảm bảo các cá nhân trong tổ chức đều có thể truy cập và nhận thông tin liên quan đến công việc một cách kịp thời.

- *Thành phần dữ liệu thông tin trong hệ thống AIS:* Dữ liệu thông tin trong AIS chính là các tài liệu, số liệu tài chính kế toán. Các loại thông tin thường gặp nhất là: Bảng chấm công nhân viên Thông tin thuế lưu trữ, đơn đề nghị, hóa đơn mua và bán hàng, báo cáo thanh toán của khách hàng, đối tác, dữ liệu kiểm kê hàng hóa... Các loại dữ liệu này tồn tại trong hệ thống bằng các đoạn mã hóa tương tự như ngôn ngữ truy vấn cấu trúc SQL (Structured Query Language là ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc). Sau khi truy xuất tại đầu ra, kế toán viên có thể sử dụng để hoàn thiện báo cáo tài chính, bảng tiền lương...

- *Phần mềm trong hệ thống quản lý thông tin kế toán:* Phần mềm trong hệ thống quản lý thông tin kế toán chính là các chương trình máy tính. Chúng đóng vai trò quan trọng để thực hiện chức năng của toàn bộ hệ thống. Ngày nay, các loại phần mềm ngày càng được cải tiến để sử dụng dễ dàng và có nhiều tiện ích đa dạng hơn [1-tr.39].

3. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TẠI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

Trong các DN VVN nói chung và DN VVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng, để đạt được những mục tiêu đề ra, các DN VVN phải tập trung hơn nữa vào việc đổi mới công nghệ, mẫu mã sản phẩm, phát triển các

sản phẩm có hàm lượng giá trị gia tăng cao. Chính hệ thống thông tin kế toán được xây dựng và cung cấp thông tin cho các nhà quản lý một cách sát thực, lượng hóa chi tiết các quá trình kinh tế và đảm bảo yêu cầu cung cấp thông tin một cách thường xuyên cho các nhà quản lý.

Để đánh giá thực trạng hệ thống thông tin kế toán tại các DN VVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương, tác giả đã tiến hành thu thập số liệu thông qua phiếu khảo sát 200 DN khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy, công việc của kế toán tại 100% các doanh nghiệp đều được hỗ trợ bởi hệ thống máy tính có ứng dụng công nghệ thông tin bằng việc cài đặt các loại phần mềm máy tính có kết nối mạng nội bộ và mạng Internet. Tuy nhiên, hiệu quả ứng dụng hệ thống thông tin kế toán tại các doanh nghiệp là khác nhau. Theo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng đối với phần mềm kế toán đang sử dụng trong doanh nghiệp có 173/200 doanh nghiệp, chiếm 86,5% đánh giá ở mức độ hài lòng trở lên.

Để đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hệ thống thông tin kế toán trong các DN VVN tỉnh Hải Dương, nhóm tác giả đưa ra một số đánh giá dựa trên việc phân tích thực trạng hệ thống thông tin kế toán.

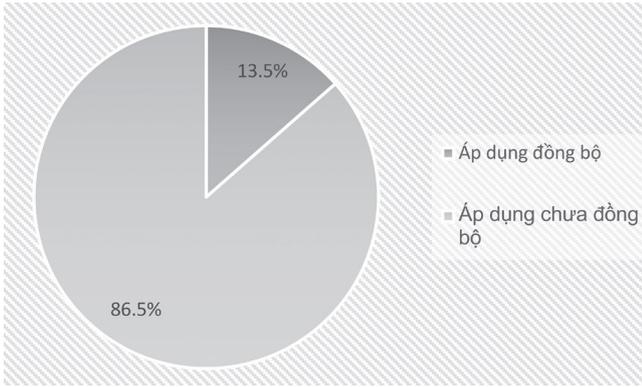
3.1. Thực trạng áp dụng mô hình hệ thống thông tin kế toán

Trong các DN VVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương, mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm về quy mô, yêu cầu quản lý, trình độ, ứng dụng công nghệ thông tin là khác nhau. Do đó, việc áp dụng mô hình HTTKT trong mỗi doanh nghiệp cũng có sự khác biệt rõ rệt.

Qua kết quả khảo sát cho thấy, toàn bộ các doanh nghiệp được khảo sát đều không áp dụng mô hình xử lý thủ công trong HTTKT mà tất cả các doanh nghiệp đều áp dụng mô hình cơ sở dữ liệu (Database). Đây là mô hình được áp dụng phổ biến hiện nay. Nó có ưu điểm là chia sẻ dữ liệu cho người sử dụng theo cấp được phân quyền trong mỗi bộ phận, thuận lợi cho việc kiểm soát và quản lý thông tin trong đơn vị.

Hiện nay, qua khảo sát, các DN thường sử dụng phần mềm kế toán độc lập với các phần mềm ứng dụng của các bộ phận, phòng ban khác. Cơ sở dữ liệu của các phòng ban độc lập nhau, thông tin truyền đi giữa các bộ phận thông qua hệ thống mạng LAN và mạng Internet hoặc chuyển trực tiếp thông qua các văn bản, giấy tờ.

Kết quả khảo sát cho thấy còn nhiều DN chưa áp dụng đồng bộ mô hình ERP (hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - một phần mềm máy tính tích hợp, hỗ trợ và thực hiện các tác vụ của một doanh nghiệp, như: Kế toán, phân tích tài chính, quản lý mua hàng, quản lý kho, hoạch định và quản lý sản xuất, quản lý nhân sự,... [2-tr.89]) vào quá trình hoạt động, nhưng cũng đã có xu hướng chuyển dịch dần.

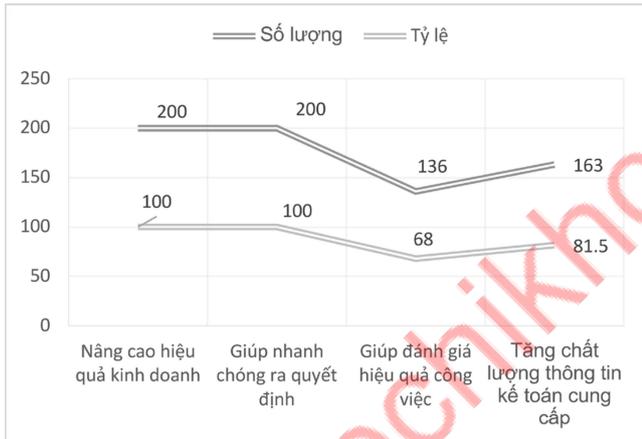


Hình 1. Tỷ lệ áp dụng mô hình ERP trong DN

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Theo khảo sát có 27/200 DN (chiếm 13,5%) trả lời DN có tích hợp phần mềm kế toán với một số phần mềm quản lý khác như: Tích hợp với phần mềm quản lý vật tư, phần mềm tính lương... Các DN khác có áp dụng một số tác vụ nhưng không đồng bộ ở tất cả các bộ phận.

Đánh giá về tính hữu dụng của phần mềm kế toán đang sử dụng, kết quả khảo sát được thể hiện qua sơ đồ sau:



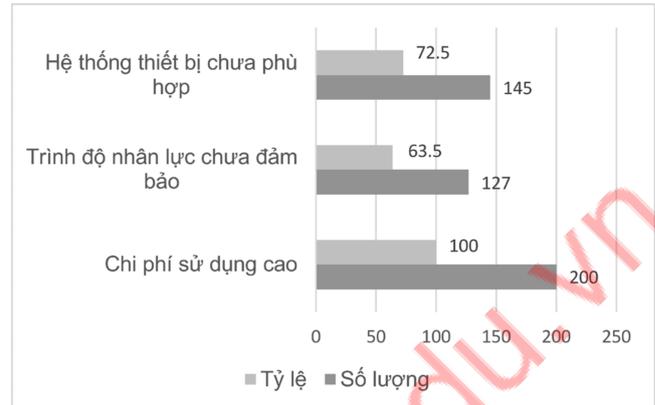
Hình 2. Tính hữu dụng của phần mềm kế toán

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Theo kết quả khảo sát, hầu hết các DN đều cho rằng phần mềm kế toán trong DN giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh (100% DN), cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, chính xác, kịp thời cho việc ra quyết định (100% DN), cung cấp thông tin kịp thời cho việc đánh giá hiệu quả công việc (136/200 DN, chiếm 68%). Đồng thời, có 163/200 DN (chiếm 81,5%) cho rằng cần thiết đưa vào sử dụng phần mềm quản lý chung để tăng chất lượng thông tin kế toán cung cấp cho các đối tượng dùng.

Tuy nhiên, việc đưa vào áp dụng mô hình ERP vẫn có nhiều hạn chế, 100% DN cho rằng, chi phí cho sử dụng hệ thống quá cao, 127/200 DN (chiếm 63,5%) cho là trình độ nguồn nhân lực chưa đảm bảo và 145/200 DN (chiếm 72,5%) cho là hệ thống máy móc thiết bị CNTT chưa phù hợp. Do đó, các DN vẫn chưa sẵn sàng áp dụng đồng bộ hệ thống ERP cho HTTKT, chỉ

có 27/200 DN (chiếm 13,5%) có định hướng sẽ nâng cấp HTTKT đang sử dụng bằng việc tích hợp bộ phận kế toán với các bộ phận khác trong DN.



Hình 3. Hạn chế trong việc áp dụng mô hình ERP

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

3.2. Thực trạng quá trình thu nhận thông tin, dữ liệu kế toán

* Về nội dung thông tin thu nhận: Từ kết quả khảo sát tại các DN/VN trên địa bàn tỉnh Hải Dương, có thể thấy, công tác thu nhận thông tin ban đầu còn chưa có quy trình cụ thể. Nguồn thông tin thu thập chủ yếu là nguồn thông tin bên trong DN, đặc biệt là thông tin từ kế toán tài chính có 200 DN (100%) sử dụng nguồn thông tin này. Nguồn thông tin thu nhận từ bên ngoài DN còn khá hạn chế, chủ yếu là thông tin từ cơ quan thuế có 117 DN chiếm tỷ lệ 58,5%. Nội dung thông tin thu nhận bao gồm cả thông tin quá khứ và thông tin tương lai. Trong đó, thông tin quá khứ được 100% DN thường xuyên thu thập, thông tin tương lai thì có ít DN chú ý hơn, có 117 DN chiếm 58,5%. Thông tin quá khứ phục vụ chủ yếu cho kế toán lập BCTC, thông tin tương lai kết hợp với thông tin quá khứ để phân tích, đánh giá tình hình thực hiện, kiểm soát hoạt động của DN, phục vụ cho quá trình ra quyết định (kế toán quản trị).

* Về phương tiện thu nhận thông tin kế toán: Với sự hỗ trợ của các phương tiện như hệ thống máy tính, phần mềm kế toán, phần mềm hỗ trợ... thông qua các phương pháp như phương pháp chứng từ kế toán, phương pháp phỏng vấn, ghi chép... để lập chứng từ, tổng hợp dữ liệu.

Bảng 1. Các phương pháp thu thập thông tin

Phương pháp thu thập thông tin	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Phương pháp chứng từ	200	100
Phương pháp quan sát	155	77.5
Phương pháp phỏng vấn	73	36.5

Kết quả khảo sát ở các DN/VN cũng cho thấy, chứng từ để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu là chứng từ giấy tự in (100% DN), riêng hóa đơn GTGT toàn bộ các DN đã chuyển sang sử dụng hoá đơn điện tử. Các chứng từ làm cơ sở pháp lý cho tài liệu, số liệu kế toán tài chính (KTTC). Đồng thời, là cơ sở cho các số liệu

kế toán quản trị (KTQT). Theo kết quả khảo sát, 100% DN tại phòng kế toán, dữ liệu được nhập vào phần mềm theo từng phân hệ tương ứng: Phân hệ vật tư, mua hàng, bán hàng, TSCĐ, tiền lương, thanh toán, chi phí giá thành... giữa các phân hệ đều có mối liên kết với nhau thông qua mối liên hệ truyền nhận thông tin. Ví dụ: Phân hệ mua hàng, thông tin đầu vào của phân hệ này là dữ liệu lấy từ các hóa đơn mua hàng, vật tư, tài sản, nhà cung cấp...; thông tin đầu ra là các bảng kê hàng mua, sổ chi tiết vật tư, sổ chi tiết thanh toán với người bán... Phân hệ mua hàng có liên kết với các phân hệ khác, do phân hệ này nhận thông tin liên quan về hàng mua từ phân hệ vật tư, thanh toán với người bán. Công tác tổ chức luân chuyển chứng từ kế toán được hầu hết các DNVVN thực hiện khá khoa học, quy định rõ ràng về nguyên tắc lập, nguyên tắc kiểm tra các chứng từ trong các giao dịch chủ yếu. Kết quả khảo sát cho thấy 81,5% các DNVVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều tổ chức tốt khâu kiểm soát thông tin đầu vào. Các DN đều chú ý đến việc phân loại, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ, kiểm tra tính hợp pháp của nghiệp vụ, tính chính xác của thông tin, sự đầy đủ chữ ký của những người liên quan. Một số DN (64 DN, chiếm 32%) còn chú ý đến việc đối chiếu giữa chứng từ gốc và chứng từ máy để phát hiện sai sót trong khâu nhập liệu.

3.3. Nguồn nhân lực trong bộ máy kế toán

Theo số liệu khảo sát, có 87% kế toán trong các DN là kiêm nhiệm thực hiện công tác KTTC và KTQT, còn kế toán ở bộ phận riêng chỉ chiếm 13%.



Hình 4. Tỷ lệ DN thực hiện kiêm nhiệm và không kiêm nhiệm công tác KTTC và KTQT

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Qua tập hợp các ý kiến về việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản trị, có thể thấy hầu hết các DNVVN trên địa bàn tỉnh trả lời rằng: Công tác tổ chức bộ máy kế toán chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu cung cấp thông tin KTQT cho quản trị điều hành DN và xác định chưa hợp lý số lượng các phần hành kế toán ở từng vị trí nhân viên kế toán trong bộ máy kế toán, đồng thời chưa tổ chức phân tích công việc, hoặc phân tích công việc kế toán chưa bài bản, khoa học. Do vậy, thiếu cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định hợp lý số lượng nhân viên kế toán. Các DN chưa xây dựng bản mô tả công việc kế toán cũng như bản

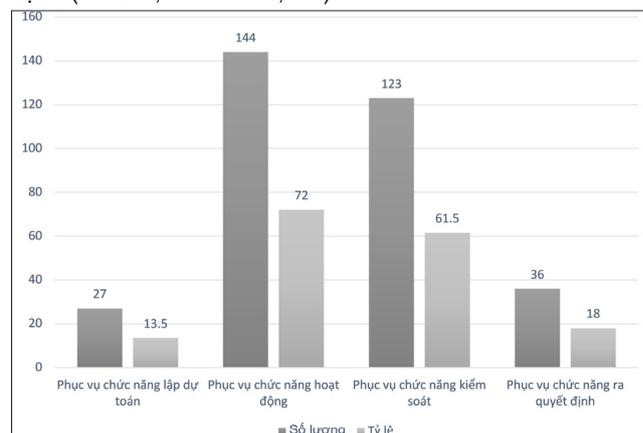
tiêu chuẩn thực hiện công việc kế toán. Do đó, việc lựa chọn, tuyển dụng cũng như tổ chức đào tạo kế toán viên đáp ứng yêu cầu công việc của HTTTKT, bố trí nhân sự chưa thực sự phù hợp, tổ chức kiểm tra giám sát, sự tuân thủ các quy trình thực hiện các nghiệp vụ kế toán ở nhiều DN chưa đảm bảo tính khoa học, chính xác, cũng như tính chuyên nghiệp trong công tác kế toán. Theo đó, những DN có quy mô nhỏ thường có bộ máy kế toán đơn giản, kiêm nhiệm xử lý thông tin theo phương pháp thủ công hoặc bán thủ công, chưa áp dụng hoàn toàn hệ thống công nghệ thông tin vào công tác quản lý. Do đó, quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin của hệ thống còn hạn chế.

Đối với những DN có quy mô lớn hơn, có bộ máy kế toán được phân cấp rõ ràng hơn, đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn cao, có sự phân chia trách nhiệm kế toán cụ thể. Đồng thời, những DN này có tiềm lực kinh tế cao nên có ứng dụng trang thiết bị công nghệ (phần mềm quản lý, phần mềm kế toán) vào hoạt động của HTTTKT. Do đó, hoạt động của HTTTKT tại những đơn vị này thường có chất lượng cao hơn, quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin có hiệu quả hơn.

3.4. Thực trạng quá trình xử lý thông tin kế toán

- *Xử lý thông tin KTTC*: Xuất phát từ mục tiêu xử lý thông tin KTTC là cung cấp thông tin trung thực, hợp lý được trình bày trên BCTC phục vụ cho nhu cầu, lợi ích của người sử dụng. Theo kết quả khảo sát, 100% DN đều thực hiện xử lý thông tin theo đúng quy định của Nhà nước. Thông tin KTTC trong các DNVVN được thu nhận và hệ thống hóa, xử lý chủ yếu thông qua phương pháp tính giá, phương pháp tài khoản, ghi sổ kế toán.

- *Xử lý thông tin KTQT*: Việc xử lý thông tin KTQT ở các DNVVN hầu hết đều xuất phát từ yêu cầu quản trị DN ở các cấp và theo chức năng KTQT: Trong đó, theo kết quả khảo sát, xử lý thông tin phục vụ chức năng lập dự toán (27 DN, chiếm 13,5%); xử lý thông tin phục vụ chức năng hoạt động (144 DN, chiếm 72,0%); xử lý thông tin phục vụ chức năng kiểm soát (123 DN, chiếm 61,5%); xử lý thông tin phục vụ chức năng ra quyết định (36 DN, chiếm 18,0%).



Hình 5. Thực trạng quá trình xử lý thông tin KTQT

(Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

Nhằm đảm bảo cung cấp thông tin kế toán cho việc ra quyết định của các nhà quản lý, các DNVVN chủ yếu tập trung vào kiểm soát quá trình thực hiện, như: Xây dựng định mức, dự toán chi phí; quản trị các yếu tố đầu vào, chi phí sản xuất, giá thành... tại các phân xưởng.

3.5. Thực trạng quá trình cung cấp thông tin kế toán

Tùy thuộc vào nội dung thông tin và nhu cầu sử dụng thông tin khác nhau mà kết quả cung cấp thông tin của HTTKT được thể hiện dưới dạng các báo cáo kế toán, bao gồm báo cáo tài chính (BCTC) và báo cáo KTQT.

** Cung cấp thông tin trên BCTC*

Thông tin KTTC trong DN được trình bày cụ thể trên các BCTC. Khảo sát thực tế cho thấy, việc lập và trình bày BCTC tại các DNVVN đều tuân thủ theo chuẩn mực kế toán VAS 21 về “trình bày BCTC”. Tuy nhiên, các báo cáo này được lập mang tính thủ tục bắt buộc là chủ yếu, ý nghĩa cung cấp thông tin chưa nhiều và thời hạn lập thường chậm hơn so với quy định.

** Cung cấp thông tin trên báo cáo KTQT*

Thực tế về tình hình lập và sử dụng các báo cáo KTQT tại các DNVVN, qua khảo sát nhóm tác giả đã thu được kết quả là 86,4% các DN có lập báo cáo KTQT. Tuy nhiên, báo cáo KTQT tại các DN thực chất là các báo cáo chi tiết của BCTC. Trong đó, các báo cáo về chi phí, thu nhập, kết quả SXKD thường được lập theo nguyên tắc, chuẩn mực trong KTTC. Vì vậy, thông tin cung cấp chưa phải là những thông tin hữu ích nhất và chưa thỏa mãn được nhu cầu thông tin của nhà quản trị.

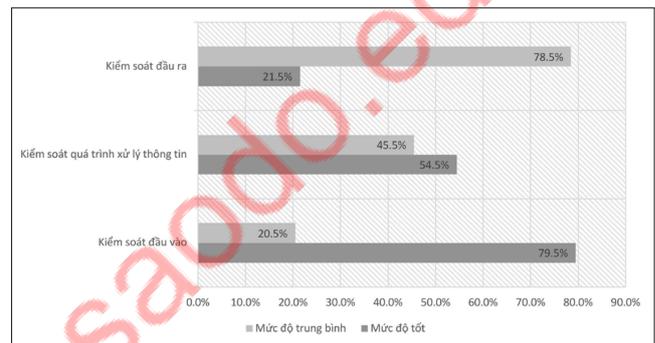
Việc lập hệ thống báo cáo KTQT tại các DN mới chỉ dừng lại ở việc lập các báo cáo về chi phí theo khoản mục, còn các báo cáo phục vụ cho chức năng lập kế hoạch, kiểm soát, đánh giá kết quả hoạt động đều chưa được thiết lập và sử dụng. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiện nay các DNVVN đang sử dụng chủ yếu các báo cáo sau: Báo cáo phân tích một số chỉ tiêu tài chính; Báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch. Các báo cáo này được lập định kỳ như BCTC, do đó không đáp ứng được tính kịp thời của thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của các nhà quản trị.

Thông kê tại các DNVVN có lập báo cáo KTQT cho thấy hiện tại có 100% DN lập báo cáo chi phí sản xuất sản phẩm, 68,2% DN lập báo cáo chi phí bộ phận. Điều đó cho thấy, hệ thống báo cáo bộ phận tại trung tâm chi phí chưa được chú trọng. Hầu hết, các báo cáo chi phí chỉ hướng tới khu vực sản xuất chính, là trung tâm chi phí kỹ thuật của khu vực sản xuất, còn các bộ phận phòng ban chức năng khác cũng là những trung tâm chi phí thì chưa được chú ý đến. Đây cũng là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến hạn chế trong việc cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu quản trị của HTTKT.

Nhìn chung, hệ thống báo cáo kế toán chỉ đáp ứng yêu cầu của KTTC, chưa đáp ứng được cung cấp thông tin phục vụ quản trị DN. Một số nhà quản trị còn thiếu tin tưởng vào thông tin trên báo cáo KTQT hoặc chưa thấy được lợi ích của nó. Họ cho rằng, những thông tin trên báo cáo KTQT thực chất được trích rút ra từ BCTC do đó không mang tính kịp thời cho việc ra quyết định và thiếu độ tin cậy.

3.6. Thực trạng quá trình kiểm soát thông tin kế toán

Hiện nay, hầu hết các DNVVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều tiến hành kiểm soát HTTKT. Tuy nhiên, thực tế kết quả kiểm soát mới chỉ thực hiện được ở một số nội dung sau:



Hình 6. Thực trạng quá trình kiểm soát thông tin KT (Nguồn: Kết quả khảo sát của nhóm tác giả)

- *Kiểm soát đầu vào:* Kết quả khảo sát cho thấy 159/200 DN (chiếm 79,5%) các DNVVN đều tổ chức ở mức độ tốt khâu kiểm soát thông tin đầu vào, còn lại là ở mức độ trung bình. Các thông tin kế toán thu thập được phản ánh trên chứng từ kế toán và được cập nhật vào phần mềm do bộ phận kế toán phụ trách. Các DN đều chú ý đến việc phân loại, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ.

- *Kiểm soát quá trình xử lý thông tin:* Các thông tin tại các DNVVN đều được xử lý trên các phần mềm kế toán và có những thông tin có thể được xử lý thủ công. Từ kết quả khảo sát có thể thấy các DNVVN chưa thực hiện tốt khâu kiểm soát đối với thông tin thực hiện, có 109/200 DN (chiếm 54,5%) thực hiện tốt, còn lại ở mức độ bình thường. Tuy nhiên, khâu đối chiếu giữa sổ tổng hợp với sổ chi tiết, sổ tổng hợp với BCTC, sổ chi tiết với báo cáo chi tiết chưa được thực hiện chặt chẽ.

- *Kiểm soát đầu ra:* Kết quả khảo sát cho thấy quá trình kiểm soát thông tin đầu ra cung cấp cho các đối tượng sử dụng tại các DNVVN hầu như chưa được thực hiện. Công việc kiểm soát mới chỉ dừng lại ở việc kiểm tra sổ sách, BCTC đảm bảo thực hiện đúng chuẩn mực kế toán, kiểm tra số lượng các báo cáo cung cấp và thời gian cung cấp, còn kiểm soát chất lượng và độ tin cậy của các thông tin cung cấp trên các báo cáo chưa được quan tâm, chỉ có 43/200 DN (chiếm 21,5%) thực hiện tốt khâu này.

4. NHỮNG TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ TỈNH HẢI DƯƠNG

4.1. Những tồn tại

* Về mô hình HTTTKT: Hiện nay, đa phần các DNVVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương đều áp dụng mô hình cơ sở dữ liệu (Database), trong đó công việc của kế toán được hỗ trợ bởi hệ thống máy tính có ứng dụng CNTT bằng việc cài đặt các loại phần mềm máy tính có kết nối mạng nội bộ và mạng internet. Mô hình này có những hạn chế nhất định về mặt hoạt động cũng như cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng. Từ đó, ảnh hưởng tới việc ra quyết định của các nhà quản lý và các đối tượng bên ngoài DN.

* Về quá trình thu nhận thông tin ban đầu:

Nội dung thông tin thu thập còn nhiều hạn chế: Những thông tin thu thập chủ yếu là thông tin quá khứ, được thực hiện từ công tác KTTC trong DN. Thông tin dự báo tương lai phục vụ cho việc lập dự toán chưa được chú trọng. Thu thập thông tin mới chỉ là việc tập hợp các thông tin, chưa phân loại và đánh giá mục đích sử dụng của từng thông tin để đưa vào khâu xử lý thông tin cho phù hợp, như thông tin phục vụ mục đích lập kế hoạch; thông tin thực hiện; thông tin phục vụ mục đích kiểm soát; thông tin phục vụ mục đích ra quyết định.

* Về quá trình xử lý thông tin kế toán:

+ Về xử lý thông tin phục vụ lập kế hoạch: Hệ thống định mức trong các DNVVN hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu lập dự toán bộ phận, nhất là hệ thống định mức chi phí. Phương pháp xây dựng định mức còn mang tính áp đặt. Ở một số DN có quy mô nhỏ thậm chí còn không tiến hành xây dựng hệ thống định mức, do đó làm giảm mức độ đáp ứng nhu cầu thông tin kế toán. Hệ thống dự toán trong các DNVVN nhìn chung còn chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, chỉ đáp ứng được thông tin phục vụ lập kế hoạch, chưa đáp ứng được chức năng kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động. Điều đó, mới chỉ đáp ứng được yêu cầu công tác KTTC, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác KTQT. Vì vậy, các DN cần thiết phải lập dự toán theo cách ứng xử bao gồm cả dự toán tĩnh và dự toán linh hoạt, nhằm đáp ứng mục tiêu kiểm soát chi phí, đánh giá trách nhiệm của các bộ phận và mục tiêu ra quyết định của nhà quản trị.

+ Về xử lý thông tin thực hiện: Việc phân loại thông tin đóng vai trò quan trọng trong công tác quản trị DN, cơ bản là việc phân loại chi phí, giúp nhà quản trị lựa chọn đúng thông tin phù hợp phục vụ cho việc ra quyết định [3-tr.127]. Tại các DNVVN được khảo sát, phương pháp phân loại chi phí chủ yếu theo khoản mục chi phí trong giá thành. Các DNVVN hầu như chưa sử dụng phương pháp phân loại chi phí nhằm kiểm soát chi phí trong HTTT KTQT.

+ Về xử lý thông tin phục vụ kiểm soát: Công tác xử lý thông tin phục vụ kiểm soát trong các DNVVN mới chỉ dừng lại ở việc so sánh giữa số liệu thực tế và sổ sách của một phần hành kế toán, chưa có sự đánh giá, so sánh số liệu kế hoạch và thực hiện bởi hệ thống dự toán của DN lập không có ý nghĩa để đánh giá, so sánh. Hệ thống kế toán trách nhiệm hiện tại chưa được thực hiện để phục vụ cho hoạt động kiểm soát của DN. Các DN mới chỉ thực hiện đánh giá thông qua việc tính toán các chỉ tiêu tài chính chung của toàn DN, chưa có cơ sở để phân tích, đánh giá kết quả hiệu quả hoạt động của các trung tâm trách nhiệm, chưa xác định được trách nhiệm và quyền hạn của từng nhà quản trị gắn với lợi ích mà nhà quản trị đạt được khi được phân quyền phụ trách trung tâm trách nhiệm. Điều đó làm hạn chế việc quản trị chi phí, quản trị doanh thu và làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

+ Về xử lý thông tin phục vụ ra quyết định: Kết quả khảo sát cho thấy, hầu hết các DNVVN không thực hiện phân tích điểm hòa vốn cũng như phân tích mối quan hệ chi phí - doanh thu - lợi nhuận để phục vụ cho việc ra quyết định. Việc định giá bán sản phẩm chuyển giao nội bộ trong các DNVVN hiện nay chủ yếu dựa vào chi phí thực tế phát sinh. Với cách định giá bán như hiện nay gây lãng phí tăng chi phí không cần thiết, không đảm bảo đánh giá đúng kết quả kinh doanh của các bộ phận. Đồng thời, không thúc đẩy được cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh của các bộ phận trong DN.

* Về quá trình cung cấp thông tin kế toán: Thông tin kế toán cung cấp trong các DNVVN chủ yếu là báo cáo thực hiện được lấy từ hệ thống BCTC. Còn hệ thống báo cáo KTQT chưa được thiết kế riêng, mà chỉ là các BCTC chi tiết, được lập chủ yếu là chi tiết một số chỉ tiêu trên các BCTC chưa thể hiện được. Do đó, làm hạn chế chức năng định hướng cho các nhà quản trị DN trong việc ra quyết định. Hệ thống báo cáo KTQT tại các DNVVN còn thiếu tính thống nhất và chưa đồng bộ, chủ yếu phát sinh đến đâu thì thiết kế đến đó và chủ yếu chỉ chú trọng vào một số bộ phận như bộ phận sản xuất, các trung tâm chi phí... còn các bộ phận khác chưa được quan tâm đến. Do đó, khả năng cung cấp thông tin KTQT chưa hiệu quả.

* Về quá trình kiểm soát thông tin kế toán: Các DNVVN được khảo sát hiện nay chưa xây dựng hệ thống kiểm soát hoàn chỉnh, thiếu tính đồng bộ, mới chỉ là kiểm soát ở một vài khâu như khâu thu nhận thông tin đầu vào, còn khâu xử lý và cung cấp thông tin thì chưa được coi trọng. Các DN chưa quan tâm đến việc quản trị rủi ro trong HTTTKT. Các DN hầu như cũng chưa thực hiện phân quyền truy cập đối với cán bộ phụ trách từng phần công việc theo tên đăng nhập và mật khẩu. Việc kiểm soát thông tin trong HTTTKT của các DN mới chỉ đáp ứng được các yêu cầu cơ bản của việc bảo vệ tài sản, thông tin, bảo đảm việc thu nhận thông tin được chính xác, nguyên vẹn, dữ liệu phù hợp với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Còn chất lượng thông tin cung cấp vẫn chưa được đảm bảo.

4.2. Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan

- Hiện nay, trình độ công nghệ của các DNVVN được đánh giá là còn yếu. Một số DN có đặc điểm quy trình hoạt động SXKD phức tạp, gây khó khăn trong việc thu thập thông tin, lập dự toán chi phí. Hiện nay, các văn bản về luật kế toán và chuẩn mực kế toán đã được xây dựng và cải cách căn bản theo quan điểm hội nhập với khu vực và quốc tế, nhưng không tránh khỏi những quan điểm chưa phù hợp, chưa đồng bộ với cơ chế quản lý kinh tế của Việt Nam. Do đó, cũng gây khó khăn cho các DN trong việc tổ chức công tác kế toán.

* Nguyên nhân chủ quan

Do nhận thức về vai trò của HTTTKT của các nhà quản lý trong các DNVVN còn hạn chế. HTTTKT chủ yếu phục vụ cho việc cung cấp thông tin trên BCTC theo đúng quy định của Nhà nước, chưa chú trọng thông tin KTQT trong việc tổ chức HTTTKT [4-133]. Các nhà quản lý vẫn có thói quen quản lý, điều hành theo kinh nghiệm là chủ yếu, chưa có thói quen sử dụng các thông tin tư vấn một cách có hệ thống theo công nghệ thông tin hiện đại. Đây là nguyên nhân ảnh hưởng đến việc cung cấp thông tin của HTTTKT. Việc sử dụng phần mềm hỗ trợ quản lý ở mỗi phòng ban trong các DN là khác nhau, nên có thể cùng một đối tượng được mã hóa trong phần mềm ở các phòng ban sẽ khác nhau. Điều này làm cho quá trình thu nhận thông tin tại các phòng ban khác nhau có thể bị chông chéo, gây lãng phí thời gian, công sức và ảnh hưởng trực tiếp tới việc tổng hợp thông tin phục vụ cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

- Trình độ đội ngũ nhân viên kế toán trong các DNVVN còn nhiều hạn chế và chậm thích nghi với những thay đổi của yêu cầu công việc. Họ chỉ có thói quen và năng lực làm việc trong hệ thống thông tin KTTC, còn công tác KTQT vẫn là chưa được chú trọng, chưa được đào tạo bài bản chuyên sâu để làm công tác KTQT. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên kế toán có kiến thức chuyên môn cao để xử lý nghiệp vụ trong môi trường làm việc có sự hỗ trợ của hệ thống máy tính và phần mềm ứng dụng còn hạn chế.

5. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN TRONG DNVVN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẢI DƯƠNG

Việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả HTTTKT trong các DNVVN nói chung, các DNVVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng là một vấn đề cần thiết nhưng vô cùng phức tạp, nó liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp quản lý. Vì vậy, để giải quyết vấn đề này cần có các điều kiện thực hiện một cách đồng bộ từ phía cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp.

5.1. Về phía các cơ quan quản lý nhà nước

Trong điều kiện hội nhập kinh tế, để đứng vững trong

cạnh tranh đòi hỏi các DN phải sử dụng hiệu quả các nguồn lực và có các quyết định phù hợp kịp thời. Hiện nay, các DN còn lúng túng trong việc xây dựng HTTTKT, Nhà nước cần có các chính sách hỗ trợ các DN để HTTTKT được xây dựng một cách quy củ, chuẩn mực. Để thực hiện được điều này, các cơ quan quản lý Nhà nước cần có các biện pháp sau:

- Cần hoàn thiện hơn nữa các văn bản pháp lý về kế toán áp dụng cho các DN trong điều kiện hiện nay, trong đó có việc hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật hướng dẫn trong hoạt động HTTTKT của DN, tạo điều kiện cho các DN hoạt động kinh doanh hiệu quả.

- Hoàn thiện hệ thống các tài liệu mẫu về HTTTKT, đồng thời tăng cường các cuộc tập huấn, giảng dạy, bồi dưỡng kiến thức về HTTTKT để nâng cao trình độ chuyên môn cho sinh viên chuyên ngành kế toán và các cán bộ kế toán trong DN.

- Các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu, đưa ra cơ chế, chính sách hỗ trợ hơn nữa DNVVN đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng một HTTTKT hoàn chỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, góp phần đóng góp vào ngân sách nhà nước, thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

5.2. Về phía các cơ quan chức năng

- Hội kế toán Việt Nam với vai trò là một tổ chức nghề nghiệp nên tạo điều kiện hỗ trợ các DN trong việc thực hiện tổ chức HTTTKT bằng việc đưa ra một số mô hình HTTTKT tốt, phù hợp với từng loại DN, từng lĩnh vực kinh doanh.

- Tạo môi trường chia sẻ, học tập giữa các DN với nhau. Hỗ trợ các DN về vốn, kỹ thuật máy móc thiết bị công nghệ.

5.3. Về phía các doanh nghiệp

Để có thể hoàn thiện HTTTKT trong các DNVVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương thì bản thân các DN cần phải có những thay đổi trong công tác quản lý cũng như thay đổi nhận thức về tầm quan trọng của HTTTKT trong DN. Đó là:

- Các DNVVN trên địa bàn tỉnh Hải Dương cần nhận thức được vai trò quan trọng của HTTTKT trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ hiện nay. HTTTKT được xây dựng trên cơ sở nhu cầu thông tin của các nhà quản trị. Vì vậy, các DNVVN phải có nhận thức sâu sắc, rõ ràng hơn về vai trò của HTTTKT, sẽ giúp cho các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định và biết cách sử dụng thông tin để ra quyết định. Từ đó, chủ động xây dựng mô hình tổ chức HTTTKT thích hợp với DN mình.

- Cần hoàn thiện quá trình thu nhận thông tin kế toán, giúp cho quá trình xử lý và cung cấp thông tin đạt hiệu quả.

- Công tác xử lý thông tin của HTTTKT trong các DNVVN cần được hoàn thiện trên tất cả nội dung và phương pháp:

+ Hoàn thiện xử lý thông tin ban đầu sau thu nhận, như: Hệ thống mã hoá các đối tượng, hệ thống tài khoản kế toán, hệ thống sổ sách kế toán.

+ Hoàn thiện xử lý thông tin phục vụ lập kế hoạch, như: Hệ thống định mức chi phí sản xuất, hoàn thiện dự toán chi phí sản xuất.

+ Hoàn thiện xử lý thông tin thực hiện, thông tin phục vụ kiểm soát, thông tin phục vụ ra quyết định.

- Xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý, đảm bảo sự kết nối giữa các bộ phận trong bộ máy quản lý của DN với nhau một cách chặt chẽ, đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán.

- Để có được những thông tin nhanh chóng, chính xác cung cấp cho các đối tượng cần có sự phối hợp giữa các cấp quản lý, các phòng ban chuyên trách trong DN. Vì vậy, các DNVVN cần phải có sự phân cấp quản lý trong đơn vị. Sự phân cấp quản lý đó phải bảo đảm rõ ràng cho từng bộ phận, phòng ban, phân chia rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ về thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cụ thể cho các bộ phận, phòng ban đó.

- Các DN cần quan tâm đến bồi dưỡng nâng cao trình độ của nhân viên kế toán để đáp ứng được yêu cầu hoàn thiện HTTTKT trong DN. Để có các thông tin hữu ích đáp ứng nhu cầu người sử dụng thì năng lực của người xử lý và cung cấp thông tin vô cùng quan trọng. Do đó, đội ngũ nhân viên kế toán trong DN cần được đào tạo bài bản để nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp của HTTTKT để có thể thiết kế và cung cấp các thông tin hữu ích cho các nhà quản trị trong quá trình ra quyết định.

- Các DN cần quan tâm đến việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán. Các DN cần chuẩn bị cơ sở hạ tầng thiết bị, chuẩn bị nguồn lực tài chính để triển khai ứng dụng mô hình ERP.

AUTHORS INFORMATION

Vu Thi Ly*, Dinh Thi Kim Thiet,
Nguyen Thi Quynh, Doan Thi Thu Hang

*Corresponding Author: vlyvu1985@gmail.com

Sao Do University.

6. KẾT LUẬN

Hội nhập quốc tế là điều kiện thuận lợi và quan trọng cho nền kinh tế nước ta phát triển, nhưng bên cạnh đó nền kinh tế thị trường với những quy luật khắc nghiệt của nó cũng ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại và phát triển của các DN Việt Nam.

Đứng trước cơ hội và thách thức đó, các DNVVN cần chuẩn bị cho mình các điều kiện cần thiết và trang bị các kiến thức quản lý hiện đại để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp, nhờ đó mới có thể nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và cạnh tranh được với các doanh nghiệp nước ngoài. HTTTKT là nguồn cung cấp thông tin quan trọng đáng tin cậy cho các nhà quản trị trong việc quản lý doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm khác.

LỜI CẢM ƠN

Kết quả nghiên cứu này thuộc đề tài KHCN cấp cơ sở, mã số 08.KHCN/22-23 được tài trợ bởi Trường Đại học Sao Đỏ. Nhóm tác giả chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của Trường Đại học Sao Đỏ đã tạo điều kiện để chúng tôi hoàn thành nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. PGS.TS. Nguyễn Hữu Ánh, PGS.TS. Trần Trung Tuấn (2021), *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB. Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [2]. Vũ Bá Anh (2015), *Tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.
- [3]. Ngô Thị Thu Hằng và Nguyễn Thị Thùy Dung (2015), *Xây dựng hệ thống thông tin kế toán theo lý thuyết quản trị thông minh tại công ty cổ phần An Phú Hưng*, Tạp chí khoa học và phát triển.
- [4]. Trần Thị Nhung (2016), *Hoàn thiện hệ thống thông tin kế toán quản trị tại các doanh nghiệp chè trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Tài chính.
- [5]. <https://tailieu.vn/doc/>

THỂ LỆ GỬI BÀI

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ (P. ISSN 1859-4190, E. ISSN 2815-553X), thường xuyên công bố kết quả, công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ của các nhà khoa học, cán bộ, giảng viên, nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên ở trong và ngoài nước.

1. Tạp chí xuất bản 01 số/quý bằng hai ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh. Tạp chí nhận đăng các bài báo khoa học thuộc các lĩnh vực: Điện - Điện tử - Tự động hóa; Cơ khí - Động lực; Kinh tế; Triết học - Xã hội học - Chính trị học; Các lĩnh vực khác gồm: Công nghệ thông tin; Hóa học - Công nghệ thực phẩm; Ngôn ngữ học; Toán học; Vật lý; Văn hóa - Nghệ thuật - Thể dục thể thao...
2. Bài nhận đăng là những công trình nghiên cứu khoa học chưa công bố trong bất kỳ ấn phẩm khoa học nào.
3. Tòa soạn chỉ nhận bài báo gửi online trên website <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>. Bài báo gửi về tòa soạn dưới dạng file điện tử (*.doc *.docx và *.pdf); cuối bài báo, tác giả ghi rõ thông tin địa chỉ liên hệ, số điện thoại, email và cập nhật thông tin trên website. Bài báo phải được trình bày đúng định dạng, rõ ràng; Trường hợp bài báo phải chỉnh sửa theo thể lệ hoặc theo yêu cầu của Phản biện thì tác giả sẽ cập nhật trên website. Người phản biện sẽ do tòa soạn mời. Tòa soạn không gửi lại bài nếu không được đăng.
4. Các công trình thuộc đề tài nghiên cứu có Cơ quan quản lý cần kèm theo giấy phép cho công bố của cơ quan (Tên đề tài, mã số, tên chủ nhiệm đề tài, cấp quản lý,...).
5. Tên bài báo trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 14, in đậm, căn giữa.
6. Tên tác giả (không ghi học hàm, học vị), font Arial, cỡ chữ 10, in đậm, căn lề phải; cơ quan công tác của các tác giả, font Arial, cỡ chữ 9, in nghiêng, căn lề phải.
7. Chữ "Tóm tắt" in đậm, font Arial, cỡ chữ 10; Nội dung tóm tắt của bài báo không quá 10 dòng, trình bày bằng hai ngôn ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh), font Arial, cỡ chữ 10, in thường.
8. Chữ "Từ khóa" in đậm, nghiêng, font Arial, cỡ chữ 10; Có từ 03÷05 từ khóa, font Arial, cỡ chữ 10, in nghiêng, ngăn cách nhau bởi dấu chấm phẩy, cuối cùng là dấu chấm.
9. Nội dung bài báo viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Việt: Tiêu đề tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Tóm tắt tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Từ khóa tiếng Việt trước, tiếng Anh sau; Nếu là bài báo viết bằng tiếng Anh: Tiêu đề tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Tóm tắt tiếng Anh trước, tiếng Việt sau; Từ khóa tiếng Anh trước, tiếng Việt sau.
10. Bài báo được đánh máy trên khổ giấy A4 (21 × 29,7cm) có độ dài không quá 8 trang, font Arial, cỡ chữ 10, giãn dòng At least 12pt, Before 3pt, After 3pt; căn lề trên 2.5cm, dưới 2.5cm, trái 3cm, phải 2cm; hình vẽ phải rõ ràng, đủ nét và được định dạng dưới dạng file ảnh (*.jpg); Phương trình, công thức phải soạn thảo bằng Mathtype hoặc Equation; Phần nội dung bài báo được chia thành 02 cột, khoảng cách cột là 1cm; Trong trường hợp hình vẽ, hình ảnh có kích thước lớn, bảng biểu có độ rộng lớn hoặc công thức, phương trình dài thì cho phép trình bày dưới dạng 01 cột.
11. Tài liệu tham khảo được sắp xếp theo thứ tự tài liệu được trích dẫn trong bài báo.
 - Nếu là sách/luận án: Tên tác giả (năm), Tên sách/luận án/luận văn, Nhà xuất bản/Trường/Viện, lần xuất bản/tái bản.
 - Nếu là bài báo/báo cáo khoa học: Tên tác giả (năm), Tên bài báo/báo cáo, Tạp chí/Hội nghị/Hội thảo, Tập/Kỷ yếu, số, trang.
 - Nếu là trang web: Phải trích dẫn đầy đủ tên website và đường link, ngày cập nhật.
12. Định dạng mẫu bài báo tham khảo tại địa chỉ http://tapchikhcn.saodo.edu.vn/news/detail/198/format_paper
Bài báo sau khi xuất bản sẽ được công bố trên <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>.

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ

Phòng 203, Tầng 2, Nhà B1, Trường Đại học Sao Đỏ.

Địa chỉ: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>

Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn

Tạp chí Nghiên cứu khoa học, Trường Đại học Sao Đỏ, Số 1 (80) 2023



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Địa chỉ:

- **Số 1:** Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Số 2:** Số 72, đường Nguyễn Thái Học, phường Thái Học, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.
- **Điện thoại:** (0220) 3882 269 **Fax:** (0220) 3882 921 **Website:** <http://saodo.edu.vn> **Email:** info@saodo.edu.vn

P. ISSN 1859-4190
E. ISSN 2815-553X

Số 1 (80)
2023

Địa chỉ Tòa soạn:

Trường Đại học Sao Đỏ.

Số 76, Nguyễn Thị Duệ, Thái Học 2, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: (0220) 3587213, Fax: (0220) 3882 921, Hotline: 0912 107858/0936 847980.

Website: <http://tapchikhcn.saodo.edu.vn>/Email: tapchikhcn@saodo.edu.vn.

Giấy phép xuất bản số: 620/GP-BTTTT ngày 17/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông.
In 2.000 bản, khổ 21 × 29,7cm, tại Công ty TNHH in Tre Xanh, cấp ngày 17/02/2011.